

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1981,

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Duy T**, sinh năm 1981,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nước ngoài.

Chị N, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và trong giá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Duy T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/5/2003. Sau khi kết hôn được một thời gian, anh T đã đi lao động ở nước ngoài đến nay được gần 20 năm. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, khác biệt về quan điểm sống. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Phạm Huy H, sinh ngày 27/9/2004 và Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 21/6/2006. Hiện tại hai con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà Vũ Thị Á (mẹ đẻ của anh T):

Do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh T ở nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh T. Bà Vũ Thị Á (là mẹ đẻ của anh T) trình bày: Anh T hiện đang sinh sống và lao động ở nước ngoài, anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tuy nhiên, anh T không cho biết địa chỉ cụ thể của anh ở Nước ngoài nên bà không thể cung cấp cho Tòa án được, mặc dù được Tòa án yêu cầu cung cấp nhiều lần. Anh T cũng không có quan điểm về yêu cầu ly hôn của chị N. Về quan hệ hôn nhân: Bà Á xác định chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có với nhau 02 con chung là Phạm Huy H, sinh ngày 27/9/2004 và Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 21/6/2006, hiện đều đã trưởng thành. Bà Á không có ý kiến gì về việc ly hôn của chị N và anh T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị N1 có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho Vũ Thị N được ly hôn với anh Phạm Duy T; Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên không phải giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Vũ Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Duy T. Bị đơn anh T hiện đang sinh sống và lao động tại nước ngoài, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh T tại nước ngoài. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình anh T không cung cấp được nhưng cho biết anh T vẫn có liên lạc về gia đình. Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa chị N có đơn đề nghị giải quyết xử vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị N và anh Phạm Duy T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/5/2003 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Hiện nay, anh T đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, chị N vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Đến nay chị N xác định không còn tình cảm với anh T và có đơn xin ly hôn, anh T không có quan điểm về yêu cầu ly hôn nhưng cũng không tham gia hoà giải. Hội đồng xét xử, xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị N, anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị N ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Phạm Huy H, sinh ngày 27/9/2004 và Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 21/6/2006. Hiện tại hai con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Phạm Duy T.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0001664 ngày 24/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND tỉnh Hải Dương;
 - Cục THADS tỉnh Hải Dương;
 - UBND xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang
- (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường